

## 1.DB:

### 1.1. Bổ sung key cấu hình hệ thống

**"HIS.Desktop.Plugins.SurgServiceReqExecute.RequiredIcdCmOption"**

- Bắt buộc nhập "CD ICD9-CM chính" ở màn hình phẫu thuật thủ thuật
- - 1: Luôn bắt buộc nhập "CD ICD9-CM chính"
- - Khác 1: Không bắt buộc nhập "CD ICD9-CM chính"

### 1.2. Bảng V\_HIS\_SESE\_PTTT\_METHOD

- Lấy dữ liệu từ bảng **HIS\_SESE\_PTTT\_METHOD**
- **LEFT JOIN HIS\_PTTT\_METHOD ON ID = PTTT\_METHOD\_ID** trong **HIS\_SESE\_PTTT\_METHOD => lấy ra PTTT\_METHOD\_CODE, PTTT\_METHOD\_NAME**

### 1.3. Sửa key cấu hình

**HIS.Desktop.Plugins.SurgServiceReqExecute.CheckingPermissionOption**

- Bổ sung giá trị 2: Dịch vụ là phẫu thuật thì nhân viên của khoa gây mê (khoa mà phòng phẫu thuật thuộc về) thì được nhập các thông tin "Kíp thực hiện", "Phương pháp", "Vô cảm", "Hình thức", "Thời gian bắt đầu", "Thời gian kết thúc", "Thời gian xử lý", "Phân loại", không được phép nhập các thông tin xử trí khác. Nhân viên của khoa nội trú (không phải khoa mà phòng mổ thuộc về) thì được nhập các trường còn lại

### 1.4. Kê đơn với điện điều trị ban ngày sẽ cho phép kê đơn điều trị

- Key cấu hình hệ thống  
**"HIS.Desktop.Plugins.AssignPrescriptionPK.PrescriptionTypeOption"**
  - Tùy chọn loại đơn thuốc khi kê đơn từ chức năng "Xử lý dịch vụ" hoặc "Xử lý phẫu thuật, thủ thuật" với điện điều trị ban ngày
    - - 1: Đơn điều trị nội trú
    - - Khác 1: Đơn phòng khám

### 1..5. view V\_HIS\_EXP\_MEST\_MATERIAL

- Bổ sung trường
  - **IS\_REUSABLE** dữ liệu lấy từ trường **IS\_REUSABLE (HIS\_MATERIAL\_TYPE có ID = MATERIAL\_TYPE\_ID (HIS\_EXP\_MEST\_MATERIAL))**
  - **MAX\_REUSE\_COUNT** dữ liệu lấy từ trường **MAX\_REUSE\_COUNT** trong **HIS\_MATERIAL có ID = MATERIAL\_ID (HIS\_EXP\_MEST\_MATERIAL)**

## 2.BACKEND:

### 2.1. Bổ sung api để lấy ra dữ liệu V\_HIS\_SESE\_PTTT\_METHOD

### 2.2. api/HisExpMestMaterial/GetView

- **HisExpMestMaterialViewFilter**
  - Bổ sung cho phép tìm kiếm theo **IS\_REUSABLE**, **SERE\_SERV\_PARENT\_ID**

## 3.FRONTEND:

### 3.1. Tường trình (mô tả) phẫu thuật thủ thuật

Cho phép người dùng nhập thoải mái không chặn ký tự tối đa. Dữ liệu lưu vào trường DESCRIPTION trong HIS\_SERE\_SERV\_EXT.

### 3.2. Combobox "Vô cảm":

#### 3.2.1. Dữ liệu:

- Load từ danh mục danh mục phương pháp vô cảm (HIS\_EMOTIONLESS\_METHOD có IS\_ACTIVE = 1)
- Mặc định hiển thị theo dữ liệu lưu tương ứng trong HIS\_SERE\_SERV\_PTTT

#### 3.2.2. Cấu hình bắt buộc nhập:

Nếu

**"HIS.Desktop.Plugins.SurgServiceReqExecute.RequiredEmotionlessMethodOption"**  
có giá trị 1

- Nếu dịch vụ loại là "Phẫu thuật" (TDL\_SERVICE\_TYPE\_ID trong V\_HIS\_SERE\_SERV\_5 = IMSys.DbConfig.HIS\_RS.HIS\_SERVICE\_TYPE.ID\_\_PT):
  - Sửa label sang màu nâu
  - Khi "Lưu", nếu không nhập thông tin thì hiển thị thông báo "Chưa nhập phương pháp vô cảm". Nhấn Enter, tự động focus vào combobox "Vô cảm"
- Nếu dịch vụ không phải là "Phẫu thuật":
  - Label màu đen
  - Không xử lý bắt buộc nhập

Nếu

**"HIS.Desktop.Plugins.SurgServiceReqExecute.RequiredEmotionlessMethodOption"**  
có giá trị 2

- Nếu dịch vụ loại là "**Phẫu thuật**" (TDL\_SERVICE\_TYPE\_ID trong V\_HIS\_SERE\_SERV\_5 = IMSys.DbConfig.HIS\_RS.HIS\_SERVICE\_TYPE.ID\_\_PT):
  - Sửa label sang màu nâu
  - Khi "Lưu", nếu không nhập thông tin thì hiển thị thông báo "**Chưa nhập phương pháp vô cảm**" và không cho phép lưu. Nhấn "**Đồng ý**" thì tắt thông báo, tự động focus vào combobox "Vô cảm" để người dùng nhập

- Nếu dịch vụ loại là **“Thủ thuật”** (TDL\_SERVICE\_TYPE\_ID trong V\_HIS\_SERE\_SERV\_5 = IMSys.DbConfig.HIS\_RS.HIS\_SERVICE\_TYPE.ID\_\_TT):
  - Label hiển thị màu đen.
  - Khi “Lưu”, nếu không nhập dữ liệu thì hiển thị cảnh báo **“Bạn chưa nhập phương pháp vô cảm. Bạn có muốn tiếp tục không?”** (có icon chấm than và chỉ hiển thị cảnh báo 1 lần trong cả trường hợp xử lý từng dịch vụ và xử lý gộp)
    - Nếu nhấn **“Có”** thì tiếp tục xử lý dịch vụ.
    - Nếu nhấn **“Không”** thì dừng xử lý, tắt thông báo, tự động focus vào combobox **“Vô cảm”** để người dùng nhập
    - Lưu ý: chỉ hiển thị cảnh báo 1 lần trong trường hợp xử lý gộp.

#### Nếu

**“HIS.Desktop.Plugins.SurgServiceReqExecute.RequiredEmotionlessMethodOption”**  
có giá trị  $\neq 1$ ,  $\neq 2$ :

- Label màu đen
- Không xử lý bắt buộc nhập

#### 3.3. Kíp thực hiện:

- Nếu vai trò có DO\_NOT\_DUPLICATE (HIS\_EXCUTE\_ROLE) = 1 thì 1 vai trò chỉ được chọn 1 tài khoản tham gia:
  - Trường hợp gán nhiều hơn 1 tài khoản tham gia thì chặn và hiển thị thông báo “Vai trò XXXX được thiết lập với Tài khoản YYYY,ZZZZ.” Trong đó XXXX là Vai trò (EXECUTE\_ROLE\_NAME - HIS\_EXCUTE\_ROLE). YYYY,ZZZZ là Họ tên nhập ở grid

#### 3.4. Combobox “Vai trò” trong danh sách kíp thực hiện

- Chỉ hiển thị các vai trò không được tích là "Không hiển thị ở kíp thực hiện" trong chức năng “Vai trò thực hiện” và không bị khóa (**HIS\_EXECUTE\_ROLE** có **IS\_DISABLE\_IN\_EKIP**  $\neq 1$  và **IS\_ACTIVE** = 1)

#### 3.5. Control “Thời gian xử lý”:

- **Trường hợp sửa thời gian bắt đầu:** Nếu có thời gian bắt đầu, thời gian xử lý thì thời gian kết thúc = TG bắt đầu + thời gian xử lý.
- **Trường hợp sửa thời gian kết thúc:** Nếu có thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc thì tính lại thời gian xử lý = TG kết thúc - TG bắt đầu

#### 3.6. Combobox “Nhóm máu”, “Rh”:

- Nếu bệnh nhân có thông tin nhóm máu, Rh (BLOOD\_ABO\_CODE  $\neq$  null , BLOOD\_RH\_CODE  $\neq$  null trong HIS\_PATIENT) thì ở màn hình PTTT mặc định hiển thị lấy theo của bệnh nhân.
- Ngược lại, Nếu bệnh nhân có thông tin nhóm máu, Rh (BLOOD\_ABO\_CODE = null , BLOOD\_RH\_CODE = null trong HIS\_PATIENT) thì xử lý như hiện tại.

### 3.7. Checkbox “Ký”:

- Trạng thái các checkbox này cần mặc định theo lần sử dụng trước đó.
- Nếu checkbox "Ký" được check thì xử lý thì khi nhấn Lưu (Ctrl S) thì thực hiện gọi api lưu, sau khi api thành công thì tự động xử lý ký văn bản phiếu phẫu thuật thủ thuật (Mps000033):
  - TH mà có thiết lập chân ký thì tự động ký luôn không hiển thị ra màn hình ký văn bản.
  - TH mà không có thiết lập chân ký thì mở ra văn bản ký để ký văn bản.
- Nếu checkbox "Ký" không được check thì xử lý như hiện tại. Nhấn nút Lưu (Ctrl S) chỉ thực hiện gọi api lưu thành công.
- Tham khảo code ở chức năng “Xử lý dịch vụ”  
(**HIS.Desktop.Plugins.ServiceExecute**)

### 3.8. Bổ sung chức năng in phiếu kết quả động mạch vành:

#### 3.8.1. Sửa popup Thông tin bổ sung:

- Thêm tab Điều trị can thiệp ĐMV như ảnh
  - Xử lý Lưu các thông tin sau vào **HIS\_SERE\_SERV\_PTTT** (đầu vào liên hệ code BE)
    - 1. Thông tin thủ thuật:
      - Textbox Nong ĐMV:
        - Tooltip: Nong động mạch vành
        - Lưu vào PCI
      - Textbox Đặt giá đỡ ĐMV:
        - Tooltip: Đặt giá đỡ động mạch vành
        - Lưu vào STENTING
      - Textbox Vị trí can thiệp:
        - Lưu vào LOCATION\_INTERVENTION
      - Textbox Lý do can thiệp:
        - Lưu vào REASON\_INTERVENTION
    - 2. Dụng cụ dùng
      - Khi click vào nút có hình ... thì mở popup Chọn thuốc/vật tư:  
Khi người dùng ấn **Chọn** thì lấy thông tin ở Textbox Tên dụng cụ fill vào các textbox tương ứng, cho phép sửa
      - Lưu thông tin tương ứng vào các trường INTRODUCER, GUIDING\_CATHETER, GUIDE\_WIRE, BALLON, STENT, CONTRAST\_AGENT (thuốc cản quang), INSTRUMENTS\_OTHER (khác)
    - 3. Ghi chú kết luận: Lưu thông tin vào STENT\_NOTE
  - Xử lý Lưu các thông tin sau vào **HIS\_SERE\_SERV\_PTTT** (đầu vào liên hệ code BE):
    - Grid Kết luận:
      - Cho phép thêm nhiều dòng bằng cách nhấn vào button +.  
Tương tự khi nhập Kíp thực hiện
      - Bao gồm các cột:
        - Tên thủ thuật: Lưu vào SURGERY\_NAME

- Tên thiết bị/cỡ: Lưu vào DEVICE\_NAME
- Số lần bơm bóng/Áp lực/TG: Lưu vào BALLON\_PRESSURE\_TIME
- Kết quả trước (% dk.HEP): Lưu vào RESULT\_BEFORE
- Kết quả sau (% dk.HEP): Lưu vào RESULT\_AFTER
- Không gửi lên api các dòng có tất cả dữ liệu đều null

Thông tin bổ sung

Mất Da liễu Điều trị can thiệp ĐMV Khác

1. Thông tin thủ thuật

Nong ĐMV:  Đặt giá đỡ ĐMV:

Vị trí can thiệp:  Lý do can thiệp:

2. Dụng cụ dùng

Introducer:  ... Guiding catheter:  ...

Guide wire:  ... Bóng (Ballon):  ...

Stent:  ... Thuốc cản quang:  ...

Khác:

3. Kết luận

Tên thủ thuật	Tên thiết bị/cỡ	Số lần bơm bóng/Áp lực/TG	Kết quả trước (% dk.HEP)	Kết quả sau (% dk.HEP)	
Stenting	3.0 x 36	1/8/15s	60	30	+

Ghi chú:

Xóa Lưu

### 3.8.2. Thêm popup Chọn thuốc/vật tư:

- Load dữ liệu từ HIS\_SERE\_SERV có PARENT\_ID = ID các dịch vụ đang xử lý (HIS\_SERE\_SERV) tương ứng với y lệnh đang xử lý
  - Mã: Hiển thị dữ liệu từ TDL\_SERVICE\_CODE
  - Tên thuốc/vật tư: Hiển thị dữ liệu từ TDL\_SERVICE\_NAME
  - Số lượng: Hiển thị dữ liệu từ AMOUNT
  - Đơn vị tính: Hiển thị dữ liệu từ SERVICE\_UNIT\_NAME(HIS\_SERVICE\_UNIT) có ID = TDL\_SERVICE\_UNIT\_ID
  - Sắp xếp theo thứ tự Thuốc → Vật tư, sắp xếp theo tên
- Cho phép tìm kiếm theo mã, tên của dữ liệu trên grid
- Khi tích chọn thì tự động điền tên xuống Textbox "Tên dụng cụ"

Chọn thuốc/vật tư

Từ khóa tìm kiếm

...	Mã	Tên thuốc/vật tư	Số lượng	Đơn vị tính
<input type="checkbox"/>	01	EBU 3.5	1.0	Cái
<input checked="" type="checkbox"/>	02	Cruz 3.0 x 36mm	1.0	Cuộn
<input checked="" type="checkbox"/>	03	6F	2.0	Cái
<input type="checkbox"/>	04	Ikazuchi 2.5 x 15mm	1.0	Cái

Cruz 3.0 x 36mm; 6F

Chọn

### 3.8.3. Bổ sung menu “In ấn” → Phiếu kết quả điều trị can thiệp động mạch vành:

Truyền vào Mps000493 thông tin:

- HIS\_PATIENT
- V\_HIS\_SERE\_SERV\_PTTT tương ứng với dv xử lý
- List<HIS\_STENT\_CONCLUDE> có SERE\_SERV\_ID = SERE\_SERV\_ID (V\_HIS\_SERE\_SERV\_PTTT)
- List<V\_HIS\_EKIP\_USER> tương ứng với dịch vụ đang xử lý
- V\_HIS\_SERVICE\_REQ của y lệnh đang xử lý
- HIS\_SERE\_SERV\_EXT tương ứng với dv xử lý
- List<HIS\_SERE\_SERV\_FILE> có SERE\_SERV\_ID = SERE\_SERV\_ID (V\_HIS\_SERE\_SERV\_PTTT)

### 3.9. Nghiệp vụ kiểm tra tổng thời gian xử lý tối đa

Chỉ thực hiện **nghiệp vụ kiểm tra tổng thời gian xử lý tối đa** trong trường hợp **thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện**:

- Dịch vụ **có thiết lập “Tổng XL tối đa”**  
( $MAX\_TOTAL\_PROCESS\_TIME(HIS\_SERVICE) > 0$ )
- Dịch vụ **không khai báo “ĐTTT không áp dụng” hoặc có khai báo và không chứa** đối tượng thanh toán của dịch vụ đang thực hiện  
( $TOTAL\_TIME\_EXCEPT\_PATY\_IDS(HIS\_SERVICE) NULL$  **hoặc**  $TOTAL\_TIME\_EXCEPT\_PATY\_IDS(HIS\_SERVICE)$  không chứa  $PATIENT\_TYPE\_ID(HIS\_SERE\_SERV)$ )

(Lưu ý: Nếu  $TOTAL\_TIME\_EXCEPT\_PATY\_IDS$  có giá trị = 12,13 thì được coi là chứa 12 và 13 chứ ko được coi là chứa 1, 2, 3, 12, 13)

**Nhiệm vụ kiểm tra tổng thời gian xử lý tối đa xử lý như sau:**

- Gọi “Tổng thời gian xử lý tối đa” trong danh mục dịch vụ kỹ thuật (**MAX\_TOTAL\_PROCESS\_TIME(HIS\_SERVICE)**) là **Y**
- Lấy ra tổng thời gian thực hiện tính từ thời điểm ra y lệnh, theo công thức: **X = thời gian kết thúc** - Thời gian y lệnh (INSTRUCTION\_TIME - HIS\_SERVICE\_REQ) (tính theo phút)
  - Nếu **X > Y** thì:
    - Nếu **HIS.Desktop.Plugins.ProcessTimeMustBeLessThanMaxTotalProcessTime =1:**
      - Chặn không xử lý tiếp và đưa ra thông báo: “**Không cho phép trả kết quả dịch vụ AAA sau BBB phút tính từ thời điểm ra y lệnh (CCCC)**”. Trong đó:
        - AAA: Tên dịch vụ (TDL\_SERVICE\_NAME trong HIS\_SERE\_SERV)
        - BBB: chính là giá trị Y ở trên
        - CCC: Thời gian y lệnh (INSTRUCTION\_TIME của HIS\_SERVICE\_REQ), hiển thị theo định dạng dd/MM/yyyy hh:mm
    - Nếu **HIS.Desktop.Plugins.ProcessTimeMustBeLessThanMaxTotalProcessTime =2:**
      - Hiển thị cảnh báo: “**Trả kết quả dịch vụ AAA vượt quá BBB phút tính từ thời điểm ra y lệnh (CCCC). Bạn có muốn tiếp tục không?**”. Trong đó:
        - AAA: Tên dịch vụ (TDL\_SERVICE\_NAME trong HIS\_SERE\_SERV)
        - BBB: chính là giá trị Y ở trên
        - CCC: Thời gian y lệnh (INSTRUCTION\_TIME của HIS\_SERVICE\_REQ), hiển thị theo định dạng dd/MM/yyyy hh:mm
        - Nếu chọn Có thì tiếp tục Xử lý
        - Nếu chọn Không thì chặn và không xử lý tiếp

### **3.10. Chỉnh sửa giao diện, bổ sung tiện ích:**

- Khi ấn nút lưu
  - Nếu “HIS.Desktop.Plugins.StartTimeMustBeGreaterThanInstructionTime” = 1 hoặc 2
    - Hiển thị thông báo "Thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc không được nhỏ hơn thời gian y lệnh." khi Thời gian bắt đầu hoặc thời gian kết thúc nhỏ hơn thời gian y lệnh
- Bổ sung checkbox Đóng
  - Vị trí bên phải check box KT
  - Tooltip: Tự động đóng sau khi Kết thúc thành công
  - Xử lý:

- Sau khi y lệnh có thông tin Kết thúc (chọn Kết thúc xử lý, Lưu có check KT và api trả về thành công) thì tự động đóng chức năng
- Sửa combobox Vai trò ở Kíp thực hiện:
  - Hiện tại: Khi dùng phím key down để chọn cái vai trò và ấn enter thì PM đang không chọn được vai trò đó
  - Sửa lại: Khi ấn enter thì lấy đúng vai trò người dùng chọn
- Sửa nút dấu "+", "-" khi thêm/xóa thành viên:
  - Hiện tại: Đang chung 1 cột và nút dấu "+" mặc định ở dòng cuối → khi nhập thừa thông tin thì không xóa được
  - Sửa lại: Tách thành 2 cột:
    - Khi ấn nút dấu "+" thì thực hiện thêm dòng
    - Khi ấn nút dấu "-":
      - Nếu grid có nhiều hơn 1 dòng thì xóa dòng đang chọn
      - Nếu grid chỉ có 1 dòng thì clear toàn bộ dữ liệu dòng đang chọn

The screenshot shows a complex medical software interface. At the top, there are several tabs and a search bar. Below that, there are multiple form fields for patient information, including name, date of birth, and medical history. A central section contains a grid with columns for 'Vai trò' (Role) and 'Kíp thực hiện' (Performing staff). The 'Kíp thực hiện' column has a red box highlighting the '+' and '-' buttons. At the bottom, there are buttons for 'Lưu' (Save), 'In ấn' (Print), and 'Kết thúc' (End).

### 3.11. Bắt buộc nhập CĐ ICD9-CM chính trong chức năng "Xử lý phẫu thuật, thủ thuật"

- Khi mở form thì kiểm tra
  - Nếu key cấu hình hệ thống  
 "HIS.Desktop.Plugins.SurgServiceReqExecute.RequiredIcdCmOption" = 1 thì bắt buộc nhập "CĐ ICD9-CM chính"
    - Đổi màu chữ sang màu nâu
  - Nếu key cấu hình hệ thống  
 "HIS.Desktop.Plugins.SurgServiceReqExecute.RequiredIcdCmOption" <> 1 thì như hiện tại. không bắt buộc nhập "CĐ ICD9-CM chính"

### 3.12. Lấy được dữ liệu phương pháp thực tế khi chọn nhiều dữ liệu từ nút "Danh sách phương pháp thực tế"

- Combobox "Phương pháp TT"
  - Không cho phép nhập
- Popup "Phương pháp thực tế"



- Khi nhập vào ô tìm kiếm thì tự động hiển thị luôn theo dữ liệu theo từ khóa tìm kiếm
- Bổ sung nút “Thêm (Ctrl N)”
  - Ấn vào thì mở ra chức năng “Phương pháp PTTT” (HIS.Desktop.Plugins.HisPttMethod)
    - Mặc định hiển thị dữ liệu trong ô tìm kiếm vào ô “Tên” trong form “Phương pháp PTTT”
    - Khi đóng form thì mặc định load lại danh sách phương pháp thực tế
- In phiếu yêu cầu phẫu thuật thủ thuật (Mps000033)
  - Truyền thêm vào dữ liệu
    - List<V\_HIS\_SESE\_PTTT\_METHOD> có TDL\_SERE\_SERV\_ID = ID của HIS\_SERE\_SERV

	Mã	Tên	Loại PTTT	Số lượng
<input type="checkbox"/>	00001	Điều trị bằng sóng ngắn		
<input type="checkbox"/>	00002	Kích thích vĩnh viễn bằng máy tạo nhịp trong cơ t...		
<input type="checkbox"/>	00003	Đặt bóng chèn động mạch chủ dội ngược		
<input type="checkbox"/>	00004	Tuần hoàn ngoài cơ thể		
<input type="checkbox"/>	00005	Tim phổi nhân tạo (ECMO)		
<input type="checkbox"/>	00006	Điều trị tăng áp phổi bằng khí NO		
<input type="checkbox"/>	00007	Đo cung lượng tim bằng máy đo điện tử cao cấp (...)		
<input type="checkbox"/>	00008	Đặt, theo dõi, xử trí máy tạo nhịp tim vĩnh viễn bằ...		
<input type="checkbox"/>	00009	Đặt, theo dõi, xử trí máy tạo nhịp tim tạm thời bằ...		
<input type="checkbox"/>	00010	Hạ thân nhiệt chủ động		
<input type="checkbox"/>	00011	Tăng thân nhiệt chủ động		
<input type="checkbox"/>	00012	Thận nhân tạo (ở người đã có mở thông động tĩn...		
<input type="checkbox"/>	00013	Dùng thuốc chống đông và tiêu sợi huyết		
<input type="checkbox"/>	00014	Đo cung lượng tim liên tục		
<input type="checkbox"/>	00015	Đo áp lực các buồng tim		
<input type="checkbox"/>	00016	Siêu âm tim qua thực quản cấp cứu		

### 3.13. Sửa màn hình pttt

Nếu key HIS.Desktop.Plugins.SurgServiceReqExecute.CheckingPermissionOption =2 và y lệnh có loại là “Phẫu thuật” (HIS\_SERVICE\_REQ có SERVICE\_REQ\_TYPE\_ID = 10) thì bổ sung xử lý:

- Nếu người dùng có mã khoa được thiết lập trong tài khoản nhân viên (DEPARTMENT\_ID trong HIS\_EMPLOYEE) **trùng** với mã khoa phòng đang làm việc thì :
  - Disable vùng thông tin không cho phép người dùng thêm sửa xóa:

- Mô tả
  - Ghi chú
  - Lược đồ
  - Cách thức, kết luận, Ghi chú BS CĐ
  - CĐ chính, CĐ phụ
  - CĐ ICD9-CM chính, CĐ ICD9-CM phụ
  - CĐ trước, CĐ sau
  - Bàn mổ, Phương pháp 2, Phương pháp TT, Nhóm máu, Rh
  - KQ vô cảm, Tình trạng, KTC, Tai biến, Tử vong trong, Máy thực hiện
- Enable các thông tin còn lại cho người dùng nhập
  - Phân loại, Hình thức
  - Phương pháp,
  - Vô cảm,
  - Bắt đầu, kết thúc, TG xử lý
  - Kíp mẫu, Khoa, Kíp thực hiện
  - checkbox “Xử lý gộp”
  - Btn “Lưu (Ctrl S)”, btn “kê máu”, btn “Tủ trực”, btn “Kê đơn”, btn “Chỉ định”, btn “Đổi dịch vụ”, btn “Chuyển khoa”, btn “Khác”, btn “In ấn”, btn “Kết thúc điều trị”
- Ngược lại, Nếu người dùng có mã khoa được thiết lập ở tài khoản nhân viên(DEPARTMENT\_ID trong HIS\_EMPLOYEE) **khác** với mã khoa phòng đang làm việc thì:
  - Enable vùng thông tin cho phép người dùng thêm sửa xóa:
    - Mô tả
    - Ghi chú
    - Lược đồ
    - Cách thức, kết luận, Ghi chú BS CĐ
    - CĐ chính, CĐ phụ
    - CĐ ICD9-CM chính, CĐ ICD9-CM phụ
    - CĐ trước, CĐ sau
    - Bàn mổ, Phương pháp 2, Phương pháp TT, Nhóm máu, Rh
    - KQ vô cảm, Tình trạng, KTC, Tai biến, Tử vong trong, Máy thực hiện
    - Bnt “Lưu(Ctrl S)” để người dùng lưu dữ liệu
  - Disable các vùng thông tin còn lại:
    - Phân loại, Hình thức
    - Phương pháp
    - Vô cảm
    - Bắt đầu, kết thúc, TG xử lý
    - Kíp mẫu, Khoa, Kíp thực hiện
    - Checkbox “Xử lý gộp”
    - Btn “kê máu”, btn “Tủ trực”, btn “Kê đơn”, btn “Chỉ định”, btn “Đổi dịch vụ”, btn “Chuyển khoa”, btn “Khác”, btn “In ấn”, btn “Kết thúc điều trị”.
- Key HIS.Desktop.Plugins.SurgServiceReqExecute.CheckingPermissionOption có giá trị =1 , khác giá trị 1, 2 thì xử lý như hiện tại.
  - Key **HIS.Desktop.Plugins.SurgServiceReqExecute.CheckingPermissionOption = 1** và y lệnh có loại là “Phẫu thuật” (HIS\_SERVICE\_REQ có SERVICE\_REQ\_TYPE\_ID = 10) thì bổ sung xử lý:

- Nếu người dùng có mã khoa được thiết lập trong tài khoản nhân viên (DEPARTMENT\_ID trong HIS\_EMPLOYEE) **trùng** với mã khoa phòng đang làm việc thì :
  - Disable vùng thông tin không cho phép người dùng thêm sửa xóa:
    - Mô tả
    - Ghi chú
    - Lược đồ
  - Enable các thông tin còn lại cho người dùng nhập
    - CĐ chính, CĐ phụ
    - CĐ ICD9-CM chính, CĐ ICD9-CM phụ
    - CĐ trước, CĐ sau
    - Phân loại, Hình thức, Bàn mổ
    - Phương pháp, Phương pháp 2
    - Phương pháp TT, Nhóm máu, Rh
    - Vô cảm, KQ vô cảm
    - Tình trạng, KTC
    - Tai biến, Tử vong trong
    - Máy thực hiện
    - Bắt đầu, kết thúc, TG xử lý
    - Cách thức, kết luận, Ghi chú BS CĐ
    - Kíp mẫu, Khoa, Kíp thực hiện
    - btn “kê máu”, btn “Tủ trực”, btn “Kê đơn”, btn “Chỉ định”, btn “Đổi dịch vụ”, btn “Chuyển khoa”, btn “Khác”, btn “In ấn”, btn “Kết thúc điều trị”
- Ngược lại, Nếu người dùng có mã khoa được thiết lập ở tài khoản nhân viên(DEPARTMENT\_ID trong HIS\_EMPLOYEE) **khác** với mã khoa phòng đang làm việc thì:
  - Enable vùng thông tin cho phép người dùng thêm sửa xóa:
    - Mô tả
    - Ghi chú
    - Lược đồ
    - CĐ chính, CĐ phụ
    - CĐ ICD9-CM chính, CĐ ICD9-CM phụ
    - CĐ trước, CĐ sau
    - Bnt “Lưu(Ctrl S)” để người dùng lưu dữ liệu
  - Disable các vùng thông tin còn lại:
    - Phân loại, Hình thức, Bàn mổ
    - Phương pháp, Phương pháp 2
    - Phương pháp TT, Nhóm máu, Rh
    - Vô cảm, KQ vô cảm
    - Tình trạng, KTC
    - Tai biến, Tử vong trong
    - Máy thực hiện
    - Bắt đầu, kết thúc, TG xử lý
    - Cách thức, kết luận, Ghi chú BS CĐ
    - Kíp mẫu, Khoa, Kíp thực hiện
    - Checkbox “xử lý gộp”

- Btn “kê máu”, btn “Tủ trực”, btn “Kê đơn”, btn “Chỉ định”, btn “Đổi dịch vụ”, btn “Chuyển khoa”, btn “Khác”, btn “In ấn”, btn “Kết thúc điều trị”
- Key  
**HIS.Desktop.Plugins.SurgServiceReqExecute.CheckingPermissionOption** có giá trị khác 1,2 thì luôn enable cho phép người dùng nhập thông tin

### 3.14. Kê đơn với điện điều trị ban ngày sẽ cho phép kê đơn điều trị

Khi kê đơn truyền vào như sau, để cho phép hiển thị là “Đơn điều trị”

- Truyền vào **IsExecutePTTT (AssignPrescriptionADO) = true**
- Truyền vào **IsAutoCheckExpend (AssignPrescriptionADO) = true**

Với 1 trong các trường hợp sau:

- Hồ sơ điều trị có **diện điều trị là nội trú** (TDL\_TREATMENT\_TYPE\_ID (HIS\_TREATMENT) = IMSys.DbConfig.HIS\_RS.HIS\_TREATMENT\_TYPE.ID\_\_DTNOITRU)
- Hồ sơ điều trị có **diện điều trị là ngoại trú** (TDL\_TREATMENT\_TYPE\_ID (HIS\_TREATMENT) = IMSys.DbConfig.HIS\_RS.HIS\_TREATMENT\_TYPE.ID\_\_DTNGOAITRU)
- Key cấu hình hệ thống  
 "HIS.Desktop.Plugins.AssignPrescriptionPK.PrescriptionTypeOption" = 1 và Hồ sơ điều trị có **diện điều trị là ban ngày** (TDL\_TREATMENT\_TYPE\_ID (HIS\_TREATMENT) = IMSys.DbConfig.HIS\_RS.HIS\_TREATMENT\_TYPE.ID\_\_DTBANNGAY)

### 3.15. Bổ sung menu nút "In ấn" nút "Phiếu vật tư tái sử dụng"

- Khi click vào thì xử lý
  - Lấy ra V\_HIS\_EXP\_MEST\_MATERIAL có **SERE\_SERV\_PARENT\_ID = ID (HIS\_SERE\_SERV đang xử lý)** và **IS\_REUSABLE = 1** và **IS\_ACTIVE = 1**.
  - Nếu V\_HIS\_EXP\_MEST\_MATERIAL có dữ liệu thì xử lý gọi vào **Mps000495** để in phiếu vật tư tái sử dụng.
    - Truyền vào Mps000495
      - List<V\_HIS\_EXP\_MEST\_MATERIAL> lấy ở trên
      - V\_HIS\_SERE\_SERV của dịch vụ đang xử lý
      - V\_HIS\_SERVICE\_REQ y lệnh đang xử lý
  - Nếu V\_HIS\_EXP\_MEST\_MATERIAL không có dữ liệu thì đưa ra thông báo “Không có vật tư tái sử dụng.”

Mã dịch vụ	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng
BM03315	Đặt ống thông khí màng nhĩ	Lần	1,00

Mẫu PTTT:

Chi hiển thị các dịch vụ cùng mã ☐Sao chép thông tin xử lý

Dịch vụ gần nhất

STT	Mã dịch vụ	Tên dịch vụ	T

Dịch vụ đính kèm

Dịch vụ cùng gói

Mã dịch vụ	Tên dịch vụ	Số lượng	Đơn vị tính

CD chính: A02.1

Nhiễm trùng huyết do Salmonella

☒ Sửa

CD phụ: B01

Bệnh da

☐ Sửa

CD trước: A02.1

Nhiễm trùng huyết do Salmonella

☒ Sửa

Phân loại: 03

Phẫu Thuật Loại 3

☐ Sửa

Phương pháp: 07773

Đặt ống thông khí màng nhĩ

☐ Sửa

Phương pháp TT:

☐ Sửa

Vỏ cứng:

☐ Sửa

Tính trạng:

☐ Sửa

Tại bệnh:

☐ Sửa

Mẫu thực hiện:

☐ Sửa

Thời gian y lệnh: 07/03/2024 10:52

Bắt đầu: 07/03/2024 10:52

☐ Sửa

Kết thúc: 07/03/2024 11:32

TG xử lý: 45

☐ Sửa

Cách thức:

☐ Sửa

KR luận:

☐ Sửa

Ghi chú ES CD:

☐ Sửa

Kíp mức:

☐ Sửa

CD phụ: (Hộp mã bệnh phụ)

Nhiễm P1 để chọn bệnh phụ

☐ Sửa

CD XCD9-CH phụ:

☐ Sửa

CD sau: A02.1

Nhiễm trùng huyết do Salmonella

☒ Sửa

Hình thức:

Bản gốc: ☐ Sửa

Phương pháp 2:

☐ Sửa

Nhóm mức:

☐ Sửa

KQ vỏ cứng:

☐ Sửa

KTC:

☐ Sửa

Từ vãng trạng:

☐ Sửa

Lưu giữ:

☐ Sửa

Mã tá

Ghi chú

Lược đồ

Thông tin bổ sung

Kíp thực hiện:

Chung

Vai trò

Họ tên

Phẫu Thuật Viên Chính

Phiếu vật tư tài sản dụng

Bảng kiểm dụng cụ VTTY bệnh nhân PTTT

Phiếu thanh toán Phẫu thuật - Thủ thuật

Phiếu thủ thuật phẫu thuật

Giấy cam đoan chấp nhận PTTT và gây mê hồi sức

Cách thức phẫu thuật thủ thuật

Biểu mẫu khác

Giấy chứng nhận phẫu thuật, thủ thuật

Phiếu sử dụng vật tư giá trị lớn

Phiếu gây mê hồi sức

Phiếu kê khai thuốc vật tư

Phiếu kết quả điều trị can thiệp động mạch vành

Phục hồi trị

Kê mẫu

Tử trực

Kê đơn được

Chỉ định GPBL

Chỉ định DV KT

Chỉ định & sao chép ND

Đồ dịch vụ

Xử lý gần: ☐ Kỳ: ☐ KT: ☐ Đóng: ☐

Lưu (Ctrl S)

Chuyển khoa

Khác